

Bản án số: **16/2024/HS-ST**

Ngày 22 - 01 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Viết Tuấn

2. Bà Đặng Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Phúc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 297/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu N; sinh năm 1985; tại Thành phố H cư trú (nơi đăng ký thường trú: 7 H, Phường I, Quận H, Thành phố H, chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Dương Thị S; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 28/01/2008, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 30/8/2010.

- Ngày 05/5/2011, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 02/10/2016.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/9/2023 đến nay. (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 2000; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 3 T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: A Ấp A, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Phan Trường G, sinh năm 1996; nơi cư trú: 5 V, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Anh Lê Thiên P, sinh năm 1991 - Chủ Hộ kinh doanh T2 (địa chỉ: C3/12 P, Ấp D, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Mai Việt A, sinh năm 1995 (theo Giấy ủy quyền ngày 03/10/2017). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu N1 là đối tượng không nghề nghiệp, nghiện ma túy. Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 30/8/2023, Nguyễn Hữu N1 đi bộ trên đường N thì phát hiện một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade, biển số: 59L2-769.36 của anh Nguyễn Anh T đang dựng trước nhà không số, đối diện số D N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh chìa khóa xe treo tại móc bên trái cổ xe, không có ai trông coi nên N1 nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe này bán lấy tiền tiêu xài. N1 đi lại phía bên trái chiếc xe, dùng tay phải lấy chìa khóa cắm vào ổ khóa rồi nổ máy xe bỏ chạy về hướng cầu N. Sau đó, N1 đi qua nhiều tuyến đường tại Phường I và Phường A, Quận H với mục đích tìm người mua xe nhưng không được. Do lo sợ đi ngoài đường nhiều bị phát hiện nên vào khoảng 01 giờ, ngày 31/8/2023, N1 chạy xe đến đầu hẻm G H, Phường I, Quận H, dựng xe tại đây rồi đi bộ vào nhà số G H, Phường I, Quận H lấy 01 biển số xe mô tô số: 60S5-2892 (biển số này do N1 mua của người bán ve chai). Sau đó, N1 lấy biển số 60S5-2892 gắn vào xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade lấy trộm được thay cho biển số 59L2-769.36 còn biển số 59L2-769.36, N1 đem vứt tại kênh T (không rõ địa điểm). N1 tiếp tục chạy lòng vòng qua nhiều tuyến đường để tìm người mua xe nhưng không tìm được ai.

Đến khoảng 18 giờ, ngày 01/9/2023, N1 đang chạy xe tại khu vực gần cầu C, Phường I, Quận H thì gặp một người đàn ông tên C (không rõ lai lịch) đang đi bộ. N1 hỏi C biết chỗ nào mua xe không thì C nói N1 đi theo C. N1 chờ C đến địa chỉ số E V, Phường I, Quận H gặp Phan Trường G (bạn của C). N1 hỏi G có biết ai mua xe mô tô này không, G trả lời không biết nên N1 nói với G biết chỗ nào cầm xe được không thì dẫn N1 đi cầm thì G đồng ý. N1 chờ G đến tiệm C1 (Hộ kinh doanh T3) tại địa chỉ C3/12 P, Ấp D, xã B, huyện B và gặp anh Chu Quốc T1 (nhân viên tiệm cầm đồ) để cầm chiếc xe trên với giá 2.500.000 đồng. Do N1 không có giấy tờ nên G đã đưa cho anh T1 01 bản căn cước công dân (bản photo) của G, N1 trả cho anh T1 100.000 đồng tiền lãi. Sau đó, N1 và G bắt xe G1 để đi về. Khi về đến trước số D H, Phường I, Quận H, N1 trả cho người lái xe grab số tiền 100.000 đồng. Lúc này, lực lượng tuần tra của Công an P1, Quận H đến kiểm tra, do N1 và G không xuất trình được giấy tờ tùy thân nên Công an P1, Quận H đã đưa cả hai về trụ sở làm việc. Tại đây, N1 đã thừa nhận việc cùng G mới đi cầm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade, biển số: 59L2-769.36 (đã được N1 thay biển số giả 60S5-2892) mà N1 lấy trộm được vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 30/8/2023, tại trước nhà không số, đối diện D N, Phường I, Quận H nêu trên. Công an P1, Quận H đã tiến hành thu giữ tang vật, thu giữ số tiền 1.500.000 đồng của N1 và chuyển Công an Q thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, Nguyễn Hữu N1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên. Khi liên hệ với C và G thì N1 không nói là xe do phạm tội mà có. N1 không biết số tiền 800.000 đồng đã rút khi nào và ở đâu.

Anh Chu Quốc T1 khi nhận cầm xe cho N1 không biết xe trên do N1 trộm cắp mà có.

Tại Kết luận định giá tài sản số 158/KL-HĐĐGTS ngày 05/9/2023, Hội đồng định giá tài sản Quận H xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade, biển số: 59L2-769.36, số máy: JA36E0645369, số khung: RLHJA363XGY111834, qua khảo sát thực tế tài sản có trị giá là 10.500.000 đồng.

Việc tạm giữ, xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade, biển số: 59L2-769.36, số máy: JA36E0645369, số khung: RLHJA363XGY111834 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Anh T. Ngày 29/10/2023, Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trao trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Anh T.

- 01 giấy cầm đồ;

- 01 căn cước công dân mang tên Phan Trường G (bản photo).

- Số tiền 1.500.000 đồng tạm giữ của N1 (là số tiền N1 có được sau khi cầm xe).

Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Nguyễn Anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

- Anh Mai Việt A (đại diện theo ủy quyền của Hộ kinh doanh T3) yêu cầu Nguyễn Hữu N1 bồi thường số tiền 2.400.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKS-Q8 ngày 25/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Hữu N1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Hữu N1 về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại đã nhận lại tài sản và xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét. Anh Mai Việt A đại diện cho Hộ kinh doanh T3 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.400.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và

tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào ngày 30/8/2023, tại trước nhà không số, đối diện số D N, Phường I, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Hữu N1 đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade, biển số: 59L2-769.36 của anh Nguyễn Anh T, có trị giá là 10.500.000 đồng.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 02 lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân của bị cáo.

[7] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại thuộc trường hợp *“phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[8] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade, biển số: 59L2-769.36, số máy: JA36E0645369, số khung: RLHJA363XGY111834 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Anh T. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị hại là phù hợp quy định pháp luật.

- 01 giấy cầm đồ và 01 bản photo căn cước công dân mang tên Phan Trường G là tài liệu, chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm, tình tiết vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nguyễn Anh T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Mai Việt A (đại diện theo ủy quyền của chủ Hộ kinh doanh Tùng Phát 8) yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu N1 bồi thường số tiền 2.400.000 đồng là số tiền bị cáo cầm cố chiếc xe chiếm đoạt của anh Nguyễn Anh T. Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo đồng ý hoàn trả theo yêu cầu của anh Mai Việt A. Đối với số tiền 1.500.000 đồng tạm giữ của bị cáo, qua điều tra xác định đây là số tiền trong tổng số tiền 2.400.000 đồng bị cáo có được do cầm cố chiếc xe phạm tội mà có. Do đó cần trả lại cho chủ Hộ kinh doanh Tùng Phát 8 số tiền này.

Số tiền 900.000 đồng không thu hồi được, xét là tiền bị cáo có được do cầm cố tài sản phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), buộc bị cáo hoàn trả lại cho chủ Hộ kinh doanh Tùng Phát 8 số tiền 900.000 đồng.

[11] Đối với người đàn ông tên C, qua xác minh không xác định được lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q, Thành phố Hồ Chí Minh không đủ căn cứ để xem xét xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[12] Đối với anh Phan Trường G là người dẫn N1 đi tìm tiệm cầm đồ, qua điều tra xác định anh G không biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade mà anh G và N1 đi cầm cố là tài sản do N1 phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

[13] Đối với anh Chu Quốc T1 là nhân viên Hộ kinh doanh T3, qua điều tra xác định khi nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Blade của N1, anh T1 không biết là tài sản do N1 phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

[14] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2023.

- Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

Trả lại cho chủ Hộ kinh doanh T2 (có người đại diện theo ủy quyền là anh Mai Việt A) số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 19/01/2024).

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu N1 hoàn trả cho chủ Hộ kinh doanh T2 (có người đại diện theo ủy quyền là anh Mai Việt A) số tiền 900.000 (chín trăm nghìn) đồng, thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu N1 nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc